

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2024/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 20 tháng 9 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 03/10/2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định
việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH KHOÁ XV KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và
xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của
Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng
nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7
năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý
đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Quy

định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2024. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình. /~~✗~~

Nội nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh; Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng TTDN.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, bao gồm:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ (trừ thuốc) theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

b) Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (bao gồm hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường) sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Thẩm quyền quyết định thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại);

d) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án sử dụng vốn Nhà nước;

đ) Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản;

e) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là: tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu;

bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.

2. Đối với tài sản công, hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia, cấp tỉnh) thực hiện theo quy định của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các nội dung về phân cấp quản lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, gồm:

a) Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

b) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị);

d) Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quy định này

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác;

b) Việc mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này), hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác),

hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 02 tỷ đồng của đơn vị mình và gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/một lần mua sắm (một gói thầu) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng/một lần mua sắm (một gói thầu).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu).

5. Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng) quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng/một lần mua sắm (một gói thầu).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), hàng hóa, dịch vụ từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 03 tỷ đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu).

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 03 tỷ đồng/một lần mua sắm (một gói thầu).

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện như sau:

a) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó nguồn ngân sách nhà nước chiếm từ 50% trở lên/tổng nguồn vốn thì thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó nguồn ngân sách nhà nước chiếm dưới 50%/tổng nguồn vốn thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quy định này

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với dự án (dự toán mua sắm) có tổng dự toán từ 02 tỷ đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước của đơn vị mình và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với dự án (dự toán mua sắm) có tổng dự toán dưới 02 tỷ đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này) thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này) thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định thuê tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) để phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác trừ tài sản quy định điểm a, điểm b khoản này có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác;

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và nguyên giá từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý tài sản công, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại phương tiện vận tải khác.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại)

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa;

b) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

e) Tài sản chuyển giao cho địa phương theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền trừ tài sản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quyết định tịch thu.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại thuộc thẩm quyền thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng tài chính Kế hoạch chủ trì quản lý trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình mà tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có sự thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Quy định này, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Quy định này xem xét, quyết định.

2. Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.